

INTAKE FORM  
Mẫu DƠN VỀ LÝ LỊCH

thư  
card  
số  
OAP  
màu  
Hộ số đã  
chuyển USCC

NAME (TÊN) : TRẦN THI HUỆ  
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)  
DATE, PLACE OF BIRTH : March 9th 1948  
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Tháng) Day (Ngày) Year (Năm)  
SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Female (Nữ) : X  
MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình)  
(Tình trạng gia đình)  
ADDRESS IN VIETNAM : C 14/16 (Số cũ A1/11) QL 13 cũ Ấp Chánh. Trảng Xã Chánh Nghĩa  
(Địa chỉ tại VN) Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Sông Bé (VN)  
POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) Yes No (Không)  
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : June 1975 To (Đến) : October 1975  
PLACE OF RE-EDUCATION : Trường Trinh Hoài Đức Thủ Dầu Một  
CAMP (TRẠI TÙ)  
PROFESSION (Nghề Nghiệp) : Tailor  
EDUCATION IN U.S. : None  
(DU HỌC TẠI MỸ)  
VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) :  
VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : Sergeant 1st class Date (Năm) :  
(Trong chính phủ VN) An Thạnh Village (Lai Thiệu Bình Dương) National Police 1975  
APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : Yes IV Number (số hồ sơ) : unknown No (Không)  
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : two  
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2  
MAILING ADDRESS IN VN : TRẦN THỊ HUỆ  
(Địa chỉ liên lạc tại VN) Nội Ông Võ Văn Tử (Hoàng Phố)  
Số 222 Đường Nguyễn Văn Trỗi  
Phường 24 Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh  
NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : None  
(Tên, Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo Trò)  
U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không)  
RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) :  
NAME AND SIGNATURE : TRẦN THỊ HUỆ  
ADDRESS OF INFORMANT  
(Tên, Địa chỉ, Chữ ký, DT C 14/16 (Số cũ A1/11) QL 13 cũ Ấp Chánh. Trảng Xã Chánh Nghĩa  
của người điền đơn này) Thị xã Thủ Dầu Một Tỉnh Sông Bé (VN)  
DATE : March

Chu

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA):

TRẦN THỊ HUỆ

(Listed on Page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO P.A. |
|------------------------------------------|---------------|----------------------|
| TRẦN LÊ QUỐC THIỆU                       | 27.11.1971    | Son                  |
| TRẦN LÊ NGỌC TRINH                       | 28.02.1973    | Daughter             |
|                                          |               |                      |
|                                          |               |                      |
|                                          |               |                      |
|                                          |               |                      |
|                                          |               |                      |
|                                          |               |                      |
|                                          |               |                      |

## ADDITIONAL INFORMATION:

Without the relative available to sponsor myself and my children to immigrate in the United States of America as the former employee of the Republic of South Vietnam National Police organization, I beg to write this intake form to request your arrangement or intervention with the US voluntary agency to do it on our behalf. Because, last time, I have heard your interview broadcasted on the V.O.A. about this subject.

I'm grateful to you and hope hear from you with good success.

I thank you very much for the biggest humanitarian act

Date: September 20th 1984  
City: \_\_\_\_\_

**A. Basic Identification Data**  
Lý lịch căn bản

1. Name  
Họ, Tên : TRẦN - THI - HUE

2. Other Names  
Họ, Tên khác : NONE

3. Date/Place of Birth  
Ngày/Nơi sinh : 09-03-1948 PHÚ CƯỜNG

4. Residence Address  
Địa chỉ thường trú : Ngõ 41/11 ẤP CHÁNH TRUNG, XÃ CHÁNH NGHĨA, Q.L.13 cũ  
THỊ XÃ THỦ ĐÀU MỘT, TỈNH SÔNG BÈ, VIỆT NAM

5. Mailing Address  
Địa chỉ thư : PLEASE REPEAT ABOVE ADDRESS

6. Current Occupation  
Nghề-Nghĩa : TAILOR

**B. Relatives To Accompany You**  
Đã con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)  
(Chú ý: Vợ/chồng và con cái chưa lập gia đình là những người duy nhất được đi cùng bạn. MS khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), ly hôn (D), góa phụ/đóa thê (W), hoặc độc thân (S).)

| Name<br>Họ, Tên              | Date of Birth<br>Ngày/Sinh/Năm Sinh | Place of Birth<br>Địa Điểm/Nơi Sinh | Sex<br>Giới | MS<br>Tình Trạng Liên-Số Gia-Đình | Relationship<br>Liên-Hệ |
|------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| 1. <u>TRẦN LÊ QUỐC THIỆU</u> | <u>27.11.1974</u>                   | <u>PHÚ CƯỜNG</u>                    | <u>M</u>    | <u>S</u>                          | <u>MY SON</u>           |
| 2. <u>TRẦN LÊ NGỌC TRINH</u> | <u>25.02.1973</u>                   | <u>PHÚ CƯỜNG</u>                    | <u>F</u>    | <u>S</u>                          | <u>MY DAUGHTER</u>      |
| 3. _____                     | _____                               | _____                               | _____       | _____                             | _____                   |
| 4. _____                     | _____                               | _____                               | _____       | _____                             | _____                   |
| 5. _____                     | _____                               | _____                               | _____       | _____                             | _____                   |
| 6. _____                     | _____                               | _____                               | _____       | _____                             | _____                   |
| 7. _____                     | _____                               | _____                               | _____       | _____                             | _____                   |
| 8. _____                     | _____                               | _____                               | _____       | _____                             | _____                   |

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please list their addresses in Section I below.)  
(CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giấy-thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/đóa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình ảnh. Nếu họ không sống cùng đi với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I.)

**C. Relatives Outside Vietnam**  
Họ hàng ở ngoài nước

1. Closest Relative in the U.S.  
Đã con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

2. Name  
Họ, Tên : NONE

3. Relationship  
Liên-Hệ : \_\_\_\_\_

4. Address  
Địa chỉ : \_\_\_\_\_

2. Closest Relative in Other Foreign Countries  
Bà Con Thân Thuộc Nhất ở Các Nước Khác

a. Name

Họ, Tên : NONE

b. Relationship

Liên-Hệ Gia-Đình :

c. Address

Địa chỉ :

D. Complete Family Listing (Living/Dead)

Danh Sách Toàn Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

Name

Address

Họ, Tên

Địa-Chỉ

1. Father

Cha : TRẦN VĂN ĐÌNH DEAD

2. Mother

Mẹ : NGUYỄN THỊ GON (LIVING) NE A1/11 ẤP CHANH TRONG XÃ CHANH-

3. Spouse

NGHĨA, Q.L. 13 CƯ, THỊ XÃ THỦ ĐÀU MỘT, TỈNH SÔNG BE (V.N.)

Vợ/Chồng :

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng Trước (nếu có) :

5. Children

Con Cũ : (1) TRẦN LÊ QUỐC THIÊU SAME ABOVE

(2) TRẦN LÊ NGOC TAINH SAME ABOVE

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

6. Siblings

Anh Chị Em : (1) TRẦN MINH CHANH SAME ABOVE

(2) TRẦN THỊ KIM HƯƠNG

(3) TRẦN VĂN DANH

(4) TRẦN HỮU NGHĨA

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organizations of you or your Spouse

Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã có Làm Việc cho Công-Sở của Chính-Phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ se

1. Name of Person Employed

Họ, Tên Nhân Viên : NONE

2. Dates

From:

To:

Ngày, Tháng, Năm Từ: 1

Tới:

2

3

4

3. Title of (Last) Positions Held

Chức-Vụ Công-Việc : 1 \_\_\_\_\_

2 \_\_\_\_\_

3 \_\_\_\_\_

4 \_\_\_\_\_

4. Agency/Company/Office

Sở/Hãng/Văn-Phòng : 1 \_\_\_\_\_

2 \_\_\_\_\_

3 \_\_\_\_\_

4 \_\_\_\_\_

5. Name of (Last) Supervisor

Tên Họ Người Giám-Thị 1 \_\_\_\_\_

2 \_\_\_\_\_

3 \_\_\_\_\_

4 \_\_\_\_\_

6. Reason for Leaving

Lý Do Ra Đi 1 \_\_\_\_\_

2 \_\_\_\_\_

3 \_\_\_\_\_

4 \_\_\_\_\_

7. Training for Job in Vietnam

Nghề-Nghiệp Huân-Luyện tại Việt-Nam : \_\_\_\_\_

F. Service with GVN or RVNAF by You or Your Spouse

Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với-Chính-Phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ Tên Người Tham-Gia : \_\_\_\_\_

TRẦN - THI - HUỆ

2. Dates

From:

To:

Ngày, Tháng, Năm

Từ :

26.9.1967

Đến :

30.4.1975

3. Last Rank

Cấp-bậc/Giới-Cùng :

SERGEANT 1st CLASS

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/Sở/Đơn-vị/Binh-Chánh :

NATIONAL POLICE ORGANIZATION BINH-DUONG PROVINCE

5. Name of Supervisor

Họ, Tên Người Giám-Thị/Sĩ-quân :

LT COL LAM THANH GIA HEADQUARTERS

6. Reason for Leaving

Lý-Do Ra Đi :

30.4.1975

7. Names of American Advisor(s)

Họ, Tên Cố-Vấn-Vấn :

UNKNOWN

8. U.S. Training Courses in Vietnam

Chương-Trình Huân-Luyện-Hoa-Kỳ :

NONE

9. U.S. Awards or Certificates

Giấy Ban-Khen Hoặc chứng-thư do Hoa-Kỳ Cấp :

NONE

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.)

Available? Yes ☒ No ☐

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ Văn-Bằng, Giấy Ban-Khen, hoặc Chứng Thư nào có.

Được sự có không? Có ☐ Không ☐.)

**Bạn Học Vở/Chồng đã Huân-Luyện ở Ngoại-Giáo**

Họ Tên Sinh-Viên/Người được Huân-Luyện : \_\_\_\_\_ NGNE

**Trường và Địa-Chỉ Nhà Trường :**

Ngày, Tháng, Năm

To

Tù

**Tổ 1**

MO-Tâ ngành học :

## Ai Đãi-Thọ Chương-Trình Huân-Luyện?

(CHỮ-Y : Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không? Có không .

Ban Học Võ/Chông Bà Học-Tập Cui-Tạo :

Họ Tên Người Đi Học-Tập Cải-Tạo : TRẦN - THỊ - HUỆ

years

months

days

**Tổng-Cộng Thời Gian Học-Tập Cải-Tạo:**

Ne m

tháng

90 ngày

No

Vấn còn Học-Tập Cải-Tạo? CỐ

Không

(If released, we must have a copy of your release certificate.)

(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

Cước chủ Phụ Thuộc

ACCORDING TO THE U.D.P. PROGRAM, RESHED U.S. GOVERNMENT TOWARD THE FORMER EMPLOYEE OF THE GOVERNMENT VIETNAM. I HAVE BEEN THE EMPLOYEE OF THE NATIONAL POLICE ORGANIZATION WHICH HAS SUPPORTED BY THE U.S. GOVERNMENT AND THE UNITED STATES AGENCY INTERNATIONAL DEVELOPMENT FOR THE PACIFICATION, CLEAR AND HOLD THE ENEMIES ACTIVITIES IN THE VILLAGES.

I WAS ASSIGNED FOR THE RESOURCES CONTROL AT THE NATIONAL POLICE POST AT AN-THANH VILLAGE, LAI THIEU DISTRICT, BINH DUCNG PROVINCE

SO FAR I WAS ENCOUNTERING THE DIFFICULTIES IN THE CURRENT LIVING  
BECAUSE THE PRESENT AUTHORITY ALWAYS MAKES ATTENTION TO US

I WRITE THIS QUESTIONNAIRE TO REQUEST YOUR APPROVAL IN ORDER TO PERMIT MYSELF AND MY CHILDREN TO SETTLE IN THE UNITED STATES OF AMERICA AS THE BIGGEST HUMANITARIAN ACT

I HAVE A DEEP THANKS TO YOU FOR TAKING INTO CONSIDERATION OF THIS APPLICATION.

I BEG TO REMAIN RESPECTFULLY YOURS

**Ký Tên:**

Ngày

Xin Nêu Ra Tất Cả Giấy-tờ Kê, theo với số Câu Hỏi này

- COPY OF IN JARD POST 1475 11
- COPY OF BIRTH CERTIFICATES 3
- COPY OF RELEASE CERTIFICATE 11
- COPY OF ORDER 1
- PHOTOGRAPH 2 FOR EA 4

So : 22 CSBD/BI/SVL

Ty Cảnh-Sát Quốc-Gia  
Bình-Dương

S U - V U - L Ê N H

Nay chỉ định những nhân-viên có tên sau đây tiếp tục công-vụ tại :

TRẦN-THI-THANH-NHÂN ( 1939 ) NỮ CSV/PĐDH/CN

BUI-KIM-TUONG (03.06.1937) -nt-

Toán Kiểm-Soát Tài-Nguyên Lưu-động, Phòng KSTN:

ĐANG-THI-XUÂN (27.03.1939) Nữ CSV/PĐDH/CN

Toán Kiểm-Soát Tài-Nguyên Lưu-động Chi CSQG Lái-Thiếu

PHAM-THI-CHIÊM (16.10.1942) NỮ CSV/PĐDH/CN

Toán Kiểm-Soát Tài-Nguyên Lưu-đòng Phân-Chi-Búng :

TRẦN-THI-HUỆ (03.03.1948) Nữ CSV/PĐDH/CN

Sư-vu-lệnh này có hiệu lực kể từ ngày ký./-

Phủ-Cường, ngày 12 tháng 09 năm 1967  
TRƯỞNG-TY CSQG BÌNH-DƯƠNG,

- Trưởng-Phòng Hành-Chánh
- " Kiểm-Soát Tài-Nguyên
- "Đề tường"
- Trưởng-Chi CSQ Lái-Thiếu
- Trưởng-Phân-Chi Búng
- " -Trạm KSTN Gò-Đầu
- " " Chánh-Hiệp "B"
- Các đương-sự
- "Đề thi hành"
- Hồ sơ
- Lưu.-

Tx/20 b

Đại-Úy TRẦN-VAN-HẢI

Do án-lệnh số 1/LT, ngày 7-6-1963, Ông Chánh-lu Võ Văn BÌNH-DƯƠNG, đã  
đọc sửa tổ khai-sanh số 184 này như sau :

- Mọi khoản ghi tên họ-chả: là Trần-van-Linh nay sửa lại là Trần-van-Mi  
tử bình.

QUỐC LÃI THEO

Bình-dương, ngày 27 tháng 6 năm 1963

Chánh-Lục-Bộ,

(Ký tên và đóng dấu: *Kính-Chí*)



VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

TỈNH BÌNH-DƯƠNG

XÃ Phú Cường

BẢN TRÍCH LỤC  
Đã điền đúng trong bộ: 6  
BỘ KHAI SANH

Năm 1971

Số hiệu 0228

|                    |                                       |
|--------------------|---------------------------------------|
| Tên, họ đầu tiên   | Trần Lê Quốc Thiệu                    |
| Phái               | Lành                                  |
| Sanh               | Ngày hai mươi bảy tháng mười một, năm |
| (Ngày, tháng, năm) | một ngàn chín trăm bảy mươi một.      |
| Tại                | Phú-cường                             |
| Cha                | " "                                   |
| (Tên, họ)          | " "                                   |
| Nghề               | " "                                   |
| Cư trú tại         | " "                                   |
| Mẹ                 | Trần thị Huệ                          |
| (Tên, họ)          | Công chức                             |
| Nghề               | " "                                   |
| Cư trú tại         | Phú cường                             |
| Vợ                 | " "                                   |
| (Chánh hay thứ)    | " "                                   |

Chứng thực cho bộ bản này là của Ủy-Viên Hộ-Tịch

Xã

THÔNG TƯ SỐ 4386-SNV/TK

ngày tháng năm 19

T.L. QUẢN-TRƯỞNG

Trích y bản chính:

Phú-Cường, ngày 01 tháng 12 năm 1971

VIÊN CHỨC HỘ-TỊCH,



NGUYỄN THỊ-HAI

VIỆT NAM CỘNG HÒA

Tỉnh Bình-đương

# BỒN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

XÃ Phú-cường

Năm 19 73

Số hũ 789

Khai nhân đưa nhỏ là con  
tự-sanh của tôi và bằng lòng  
cho nó theo họ mẹ:

Ký tên:

Huệ

|                   |                                                                         |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| Tên họ ấu nhi     | <u>Trần lệ Ngọc-Trinh</u>                                               |
| Nam hay Nữ        | <u>Nữ</u>                                                               |
| Ngày sanh         | <u>Ngày hai mươi tám tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba.</u> |
| Nơi sanh          | <u>Phú-cường</u>                                                        |
| Tên, họ người cha | <u>nn</u>                                                               |
| Nghề nghiệp       | <u>nn</u>                                                               |
| Nơi cư ngụ        | <u>nn</u>                                                               |
| Tên, họ người mẹ  | <u>Trần thị-Huệ</u>                                                     |
| Nghề nghiệp       | <u>Công chức</u>                                                        |
| Nơi cư ngụ        | <u>Phú-cường</u>                                                        |
| Vợ chánh hay thứ  | <u>nn</u>                                                               |

TRÍCH LỤC Y BỘ CHÁNH

MIỄN THỊ THỰC

THÔNG TƯ SỐ 4386-BNV/MC/29

Phú-cường, ngày 02 tháng 03 năm 197 3



TRẦN-NHẠC-VÂN  
KIA-TRƯỞNG KIỂM HỘ-TỊCH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
République du Viêt-Nam  
TỐI-CAO PHÁP-VIỆT  
(Cour Suprême)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA

GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng Phú-cường

tỉnh Thủ Đức

(NAM PHÂN)  
(Sul Vp-Viet)

NĂM 1948  
(Année)

SỐ HIỆU 104  
(Acte No)

|                                                    |                |
|----------------------------------------------------|----------------|
| Tên, họ đứa con nít<br>(Nom et prénom de l'enfant) | Trần-thị-Hệ    |
| Nam, nữ<br>(Sexe de l'enfant)                      | Femelle        |
| Sinh ngày nào<br>(Date de naissance)               | Le 9 Mars 1948 |
| Sinh tại chỗ nào<br>(Lieu de naissance)            | Phú-cường      |
| Tên, họ cha<br>(Nom et prénom du père)             | Trần-văn-Đinh  |
| Cha làm nghề gì<br>(Sa profession)                 | Joumalier      |
| Nhà cửa ở đâu<br>(Son domicile)                    | Phú-cường      |
| Tên, họ mẹ<br>(Nom et prénom de la mère)           | Nguyễn-thị-Gòn |
| Mẹ làm nghề gì<br>(Sa profession)                  | Ménagère       |
| Nhà cửa ở đâu<br>(Son domicile)                    | Phú-cường      |
| Vợ chánh hay thứ<br>(Son rang de femme mariée)     |                |

Trích y bản chánh,  
(Pour extrait conforme)

Bình Dương

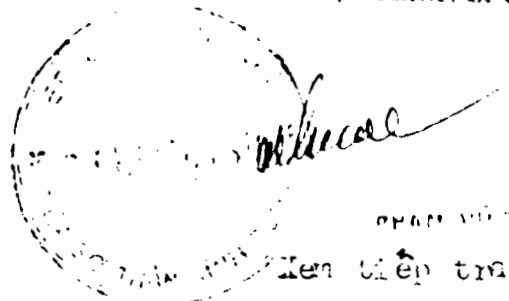
ngày 8-3-1972  
CHÁNH LỤC-SỰ  
(LE GREF. E. EN CHEF)

Cố Hộ: 15000

(Cont)

Biên lai số

0000000000



CHÁNH LỤC-SỰ

Kèm tiếp trang sau.....

02/85  
04

Kính thăm chú Phước.

Đây là một người cousin của anh bạn rất thân.  
Chú này rất khỏe, không một thân nhân nào ở tại  
Koa Kỳ - vậy kính mong chú và hội giúp đỡ cho bạn  
thân và các con đường sự may ra được Ti Anh  
sang ở ~~chợ~~ ~~đồng~~ ~~hầm~~ - ỏ của chú và hội thật  
là tốt.

Kính thăm và chúc chú được may  
mắn ~~APR 20 1985~~ BÌNH AN.

S.T. PHƯỚC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **280017153**

Họ tên **TRẦN THỊ HUỆ**



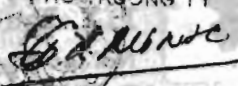
Sinh ngày **09-03-1948**

Nguyên quán **Chanh Nghĩa**

T.X. **Thủ.D.Một Sông Bé**

Nơi thường trú **Chanh Nghĩa**

T.X. **Thủ.D.Một Sông Bé**

|                                                                                   |               |                                                                                                                                                                  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| Dân tộc: <b>Kinh</b>                                                              |               | Tôn giáo: <b>Cao Đài</b>                                                                                                                                         |  |
|  | NGÓN TRỎ TRÁI | DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH                                                                                                                                       |  |
|                                                                                   |               | Sẹo không rõ hình D<br>1,5cm Rìem C 2,5cm<br>trên trước đầu L.M.I                                                                                                |  |
|  | NGÓN TRỎ PHẢI | Ngày 10 tháng 03 năm 1978                                                                                                                                        |  |
|                                                                                   |               | KỶ GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN<br>PHÓ TRƯỞNG TY<br><br><i>Trần Đức Hùng</i> |  |

Ủy Ban Quân Quản  
TỈNH THỦ ĐẦU MỘT

Số 0966 ICN

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM  
Độc lập Dân Chủ Thống Nhất Tổ Quốc

GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐÃ HỌC TẬP CÁI TẠO



Họ và tên thật

TRAN THI HUE

Tên thường gọi

Nam

Ngày sinh

09-03-1948

Quê quán

Huế - Thừa Thiên Huế

Chức vụ hiện tại

Thủ trưởng Chi nhánh TDM

Số căn cước

Cấp bậc Trung sĩ I

Chức vụ công khai

Đánh máy

Binh chủng Cảnh sát

Chức vụ bí mật

Đơn vị Cục CS an ninh Sài

ĐÃ HỌC TẬP

90 NGÀY TẠI

Trường Sĩ Quan Dự Bị

Chiều

NGUYÊN CẢI TRẠI

NGUYÊN CẢI PHẢI

NHÂN DẠNG Cao 1m 51. Nặng 35 kg  
Dấu riêng sẹo không rõ hình dấu 1 cm  
rồng 2cm x 2cm trên huyệt đầu mày  
hải

Phải Lưu Một, ngày 01 tháng 9 năm 1975  
M. ỦY BAN QUẢN QUẢN  
Ban An Ninh Nội Chính

TRẦN VĂN SƠN

CHỮ Ý: - Khi về phải xuất trình giấy chứng nhận này cho địa phương.  
Nghiêm chỉnh chấp hành mọi luật lệ chính sách của thành  
phố Hồ Chí Minh quyền cách mạng.  
Trong sự được tiếp về cư ngụ tại xã Phú Cường.  
Huyện

Thời gian quản chế tại chỗ là 6 tháng kể từ ngày 30/03 - 30/09/75  
Mất phải báo cáo ngay chính quyền và an ninh địa phương.

TRẦN VĂN SƠN

Hus  
g/d Trần Thị Huệ -



Trần. Lê  
Ngọc  
Trình  
28.02.1973

---

TRẦN. THỊ. HUỆ  
09.03.1948

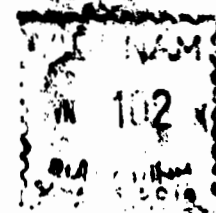
(Photograph  
before 1975)

---

Trần. Lê  
Quốc  
Thiên  
27.11.1971

---

FROM: TRẦN THỊ HUỆ  
NỘI Ô. VÕ VĂN TỰ (HỒNG PHỒ)  
SỐ 222 ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN TRÃI  
PHƯỜNG 24 QUẬN 3  
TP. HỒ CHÍ MINH



**PAR AVION**  
W  
10

TO M<sup>rs</sup> NGUYỄN BÌNH PHÚC

FALLS CHURCH -  
VA 22043



**VIA AIR MAIL PAR AVION**

U.S.A.

March 1984